

THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN ĐỒNG *

Tóm tắt: Quyền con người trong tố tụng hình sự là vấn đề quan trọng trong lĩnh vực quyền con người. Đây là vấn đề mà quốc tế cũng như từng quốc gia, trong đó có Việt Nam, luôn quan tâm ghi nhận trong luật và bảo đảm thi hành trong thực tiễn đời sống xã hội. Bài viết phân tích quy định về quyền con người, việc bảo vệ quyền con người theo Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khái quát thực tiễn áp dụng pháp luật về quyền con người của các cơ quan tư pháp, trung tâm là hệ thống tòa án; chỉ ra những hạn chế của việc đảm bảo quyền con người trong tố tụng hình sự; đưa ra một số yêu cầu, giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật và tăng cường bảo vệ quyền con người trong thời gian tới.

Từ khóa: Hiến pháp; quyền con người; quy định; tố tụng hình sự

Nhận bài: 06/8/2018

Hoàn thành biên tập: 05/9/2019

Duyệt đăng: 12/9/2019

IMPLEMENTATION OF THE PROVISIONS OF THE CONSTITUTION ON HUMAN RIGHTS IN CRIMINAL PROCEDURE IN VIETNAM

Abstract: Human rights in criminal procedure are seen as an important area of human rights. The international community and individual countries including Vietnam always are interested in recognising those rights in their law and ensuring them in practice. The paper analyses the legal provisions on human rights and protection of human rights under the 2013 Constitution and the 2015 Criminal Procedure Code. It offers an overview of the practical application of the law on human rights of judicial organs whose centre is the court system. It also points out some limitations of the protection of human rights in criminal procedure and thereby suggests some requirements and solutions to contribute to improving the law and strengthening the protection of human rights in the coming time.

Keywords: Constitution; human rights; provision; criminal procedure

Received: Aug 6th, 2018; Editing completed: Sept 5th, 2019; Accepted for publication: Sept 12th, 2019

Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân - một nhà nước mà ở đó, quyền con người không chỉ được tôn trọng trong các tuyên bố chính trị hay ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật mà còn

được bảo đảm trên thực tế thông qua nhiều cơ chế khác nhau, đặc biệt là trong lĩnh vực tố tụng hình sự (TTHS). Mặc dù, TTHS là lĩnh vực không diễn ra hằng ngày hằng giờ như các lĩnh vực hành chính, kinh tế, môi trường... nhưng có thể thấy, quyền con người trong TTHS dễ bị xâm phạm và bị tổn thương nhất, hậu quả để lại cũng thường rất nghiêm trọng, cả về vật chất, thể chất và tinh

* **Toà án quân sự Quân khu 4**
E-mail: dong.law2012@gmail.com

thần.⁽¹⁾ Bởi vậy, thực hiện quyền hiến định trong TTHS là một trong những cơ chế hữu hiệu để bảo đảm, bảo vệ quyền con người trong điều kiện xây dựng và vận hành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

1. Quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người và vấn đề đảm bảo quyền con người

Tiếp thu tinh thần các quy định về quyền con người của Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 đã có những sửa đổi, bổ sung và phát triển quan trọng về quyền con người. Theo đó, khoản 1 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng bảo vệ, đảm bảo theo Hiến pháp và pháp luật*”. Quy định này thể hiện sự phát triển quan trọng về nhận thức và tư duy trong việc ghi nhận quyền con người trong Hiến pháp, bởi vì Hiến pháp năm 1992 chỉ ghi nhận quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được thể hiện thông qua quyền công dân. Đến Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung một số quyền mới là thành tựu của 30 năm đổi mới đất nước, thể hiện rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo thực hiện quyền con người, quyền công dân. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 có nhiều điểm bổ sung quan trọng về

quyền con người trong Chương II là một bước tiến đáng kể về tư duy nhà nước pháp quyền và thực hiện quyền con người ở Việt Nam. Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định quyền sống; quyền hưởng thụ các giá trị văn hoá, nghiên cứu và thụ hưởng các thành quả khoa học; quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; quyền được sống trong môi trường trong lành... Hiến pháp năm 2013 cũng đã bổ sung nguyên tắc hạn chế quyền phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, đó là: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lí do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ cộng đồng*”.⁽²⁾ Việc hạn chế quyền con người, quyền công dân không thể tùy tiện mà phải “theo quy định của luật”.

Hiến pháp năm 2013 khẳng định mạnh mẽ, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội (Điều 16); được Nhà nước bảo hộ, không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khoẻ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của

(1). Trần Văn Độ, “Bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự - Khái quát các tiêu chuẩn quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam”, Tài liệu hội thảo: “Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng”, Trường đại học Vinh, tháng 12/2017.

(2). Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam giữ người do luật định. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật. Người bị buộc tội phải được toà án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai và được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa cho mình. Đó chính là những quyền con người cơ bản trong lĩnh vực TTTHS được ghi nhận và đảm bảo bằng các quy định của Hiến pháp. Việc Hiến pháp năm 2013 quy định rõ nét về quyền con người trong lĩnh vực TTTHS đã tạo nền tảng pháp lí cao nhất để bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực này được hiện thực hoá đầy đủ bởi các quy định của pháp luật TTTHS nói chung và BLTTHS nói riêng.

2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về đảm bảo quyền con người

2.1. Các quyền con người cơ bản cần được bảo đảm trong tố tụng hình sự

Trong lĩnh vực TTTHS, khi quyền lực cưỡng chế của nhà nước bị lạm dụng, bị vi phạm thì nguy cơ ảnh hưởng đến các quyền con người là rất cao. Có nhiều quyền con người có thể bị tác động trong lĩnh vực này, tuy nhiên những quyền bị tác động tương đối phổ biến gồm:

Thứ nhất, quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện. Thể chế hoá Hiến pháp, pháp luật TTTHS Việt Nam quy định rõ ràng về các

biện pháp ngăn chặn để hạn chế tới mức thấp nhất sự tùy tiện trong việc bắt, giam giữ người. Điều 10 và Điều 11 BLTTHS năm 2015 quy định rõ: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải theo quy định của Bộ luật này. Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khoẻ của con người”*; và: *“Mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản. Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân đều bị xử lí theo pháp luật. Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác”*.

Thứ hai, quyền được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục. Cũng với tinh thần ghi nhận giá trị chuẩn mực pháp luật quốc tế và quy định của Hiến pháp năm 2013, các điều 10, 11 và 13 BLTTHS năm 2015 quy định đảm bảo về mặt pháp lí đối với quyền không bị tra tấn, đối xử hay trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay bị hạ nhục. Quyền này có thể bị vi phạm ở nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng trong TTTHS là rõ nét nhất, đặc biệt là tại giai đoạn điều tra khi việc truy bức, dùng nhục hình có thể được sử dụng như là cách nhanh nhất để lấy lời khai người bị buộc

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

tội... và vì vậy, BLTTHS đã quy định bằng những điều luật cụ thể để ngăn chặn sự xâm phạm quyền cơ bản này của con người.

Thứ ba, quyền được một toà án độc lập và vô tư xét xử một cách công khai và công bằng để phán xử về những quyền lợi và nghĩa vụ của mình, hay về những tội trạng hình sự mà mình bị cáo buộc. Quyền này được đề cập tại Điều 10 Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc (UDHR) - quyền được xét xử công khai, công bằng và tại điểm c khoản 3 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) - Người bị buộc tội được xét xử mà không bị trì hoãn một cách vô lí.⁽³⁾ Thừa nhận quyền cơ bản này, đồng thời cụ thể hoá quy định của Hiến pháp năm 2013, Điều 25 BLTTHS năm 2015 quy định: Toà án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng. Toà án xét xử công khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên toà, trừ trường hợp do Bộ luật này quy định. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi hoặc để giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì toà án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên quyết định của bản án công khai. Lưu ý quan trọng đối với quy định “xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai” là việc “tuyên án công khai” được hiểu là tuyên công khai phần quyết định của bản án, không phải tuyên công khai toàn bộ bản án. Bởi nếu tuyên công khai toàn bộ bản án thì việc bảo vệ bí mật nhà nước hay bí mật đời tư sẽ không còn ý nghĩa.

(3). Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc và các công ước về quyền con người kèm theo.

Việc bảo vệ và bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự còn liên quan mật thiết đến việc ghi nhận và bảo vệ các quyền cụ thể khác như quyền bào chữa, quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết; quyền được bảo hộ về danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản; quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín; quyền được bồi thường thiệt hại trong TTHS; quyền được tranh tụng và quyền khiếu nại, tố cáo trong TTHS. Tuy nhiên, những quyền này không phải là đặc thù riêng trong TTHS. Ví dụ: Quyền bào chữa là quyền phải được thể hiện và bảo vệ ở tất cả các lĩnh vực pháp luật hoặc về thực chất có thể coi đó là quyền đặc thù trong lĩnh vực hình sự chứ không phải là quyền đặc thù trong TTHS. Tuy nhiên, TTHS lại là sự bảo đảm về thể thức và thủ tục cho quá trình thực thi bảo vệ và bảo đảm quyền bào chữa trong TTHS. Đặc biệt là trong bối cảnh nguyên tắc tranh tụng đã được ghi nhận là một nguyên tắc hiến định và vấn đề quy trình tố tụng chuẩn được xem như một trong những tiêu chí cơ bản hướng tới việc bảo vệ quyền con người trong TTHS.

2.2. Chủ thể được bảo đảm quyền hiến định trong tố tụng hình sự

TTHS xét cho cùng là quá trình giải quyết trên cơ sở pháp luật các xung đột giữa một bên là Nhà nước với một bên là người bị cho đã thực hiện một hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tham gia tố TTHS còn có nhiều chủ thể khác nhau, bởi vậy thực hiện các quy định của

Hiến pháp về quyền con người trong TTTHS cần áp dụng đối với các chủ thể sau đây:

2.2.1. Bảo vệ quyền con người của bên bị buộc tội

Bên cạnh việc quy định tương đối rõ ràng địa vị tố tụng của các chủ thể TTTHS, đặc biệt là địa vị tố tụng của người tham gia tố tụng nói chung, người bị buộc tội nói riêng, BLTTHS quy định khá cụ thể các quyền tố tụng của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, nhất là quyền bào chữa, quyền tranh tụng (chứng minh, thẩm vấn chéo, đối đáp, tranh luận), quyền khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, người tiến hành tố tụng.⁽⁴⁾ Trong TTTHS, bên bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Bảo vệ quyền của những người này được thể hiện bằng việc quy định các quyền của người bị buộc tội và tương ứng là nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng. Theo quy định của BLTTHS năm 2015, quyền con người của người bị buộc tội được thể hiện thông qua hệ thống các nguyên tắc khá đồng bộ và được cụ thể hoá trong các chế định về chứng minh, chứng cứ, các biện pháp ngăn chặn, nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng; trong các quy định về xét xử của toà án và vấn đề minh oan cho người bị oan...

Về quyền của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, BLTTHS năm 2015 quy định khá đầy đủ các quyền của người bị buộc tội như: quyền được biết mình bị buộc tội về tội gì; quyền tự bào chữa hoặc nhờ

người khác bào chữa cho mình; quyền được chứng minh sự vô tội của mình bằng việc đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; quyền được khiếu nại các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng; quyền được tham gia phiên toà và tranh luận tại phiên toà; quyền không bị xét xử một cách quá chậm trễ thể hiện các quy định về thời hạn tạm giữ để khởi tố vụ án, thời hạn điều tra, thời hạn truy tố, thời hạn xét xử... Chẳng hạn, hết thời hạn tạm giữ, nếu cơ quan điều tra không có căn cứ khởi tố bị can thì phải trả tự do cho người bị tạm giữ; nếu hết thời hạn điều tra không chứng minh được tội phạm thì phải đình chỉ điều tra, huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can, trả lại cho họ trạng thái bình thường của người vô tội và xin lỗi công khai, bồi thường nhà nước...

Bên cạnh đó, theo quy định của Hiến pháp, khi một người bị buộc tội, họ phải được xét xử tại toà án một cách độc lập, công khai và công bằng. Cụ thể hoá nguyên tắc này, BLTTHS có những quy định chặt chẽ về thủ tục xét xử vụ án hình sự tại toà án, trong đó ghi nhận vai trò của toà án trong việc xét xử, đồng thời quy định các quyền của bị cáo tại giai đoạn xét xử. Đó là việc quy định cụ thể thời hạn xét xử cho từng loại tội; quy định quyền của bị cáo trước toà (tự mình bào chữa, nhờ người bào chữa, tranh tụng bình đẳng với bên buộc tội); quy định quyền kháng cáo và nguyên tắc hai cấp xét xử (xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm). Những quy định này nhằm đảm bảo quyền được xét xử công bằng và có một bản án công bằng, đúng trình tự thủ tục cho người bị buộc tội.

(4). Nguyễn Hoà Bình, *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 13.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Đặc biệt, khi bàn đến quyền con người trong TTTHS, không thể bỏ qua đối tượng đặc thù: người bị buộc tội là người chưa thành niên. Mặc dù về nguyên tắc, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng trước toà án và bảo đảm quyền được xét xử công bằng, tuy nhiên, đối với những người có hoàn cảnh và điều kiện khác nhau thì không thể quy định giống nhau một cách cứng nhắc. Theo đó, BLTTTHS Việt Nam đã dành cho người chưa thành niên bị buộc tội một thủ tục TTTHS riêng, hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, tạm giữ, tạm giam; quy định việc có mặt của người đại diện trong quá trình TTTHS; quy định thành phần hội đồng xét xử phải có hội thẩm nhân dân là cán bộ đoàn thanh niên, giáo viên...

Ở góc độ khác, bảo vệ quyền của người bị buộc tội còn được thực hiện thông qua việc quy định nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng. Khi thực hiện quyền năng của Nhà nước trong TTTHS, để tạo điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chức năng phát hiện, xử lý tội phạm, pháp luật cho phép họ được áp dụng các biện pháp ngăn chặn, trong đó có thể hạn chế một số quyền tự do của người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Tuy nhiên, sự hạn chế tự do của người bị buộc tội phải đảm bảo nguyên tắc tránh lạm quyền dẫn tới vi phạm quyền con người. Pháp luật TTTHS Việt Nam quy định khá chặt chẽ các căn cứ để áp dụng biện pháp ngăn chặn như tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú,... cũng như các biện pháp cưỡng chế trách nhiệm hình sự khác như khám người, khám chỗ ở v.v.. Tất cả các biện pháp cưỡng

chế trách nhiệm hình sự trên đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng không được áp dụng tùy tiện, lạm dụng mà chỉ được thực hiện khi có căn cứ và theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Xu hướng phát triển chung của TTTHS là hạn chế ở mức thấp nhất việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam, đồng thời mở rộng các biện pháp khác “mềm” hơn như bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú... Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và cưỡng chế trong TTTHS đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng vừa đảm bảo nhiệm vụ phát hiện, xử lý tội phạm, vừa không xâm phạm đến quyền con người của người bị buộc tội. Ngoài ra, pháp luật còn quy định về chế tài để xử lý những hành vi bắt tạm giữ, tạm giam quá mức cần thiết hoặc trái pháp luật của những người tiến hành tố tụng.

2.2.2. Bảo vệ quyền con người của bị hại là cá nhân

Trong TTTHS, nạn nhân của tội phạm tham gia tố tụng với tư cách bị hại⁽⁵⁾ là cá nhân không chỉ có quyền mà còn có nghĩa vụ. Theo quy định của Điều 62 BLTTTHS năm 2015, bị hại có thể là cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức nhưng trong phạm vi bài viết này chỉ đề cập bị hại là cá nhân, vì như vậy mới đặt ra vấn đề quyền con người. Ở phương diện quyền con người nói chung, bị hại đã bị tội phạm xâm phạm bằng cách gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản cũng như các quyền,

(5). Điểm 8 Điều 55 BLTTTHS năm 2015 quy định là “bị hại” để thay thế cách gọi “người bị hại” của BLTTTHS năm 2003; “bị hại” được định nghĩa tại khoản 1 Điều 62 BLTTTHS năm 2015.

lợi ích hợp pháp khác. Trong TTHS, quyền của bị hại biểu hiện ở chỗ được yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ quyền con người của mình: quyền được đưa ra các yêu cầu đối với cơ quan tiến hành tố tụng; quyền được đưa ra các tài liệu, đồ vật bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; quyền được tham gia, giám sát các hoạt động TTHS của các cơ quan tiến hành tố tụng; quyền được khiếu nại, kháng cáo các quyết định, bản án của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án. Đặc biệt, bị hại có quyền được bảo vệ an toàn trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, thông tin cá nhân, bí mật đời tư...; chẳng hạn, trong các tội xâm phạm tình dục như tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em... BLTTHS quy định phải xử kín.

2.2.3. Bảo vệ quyền con người của người làm chứng

Đối với bất cứ quốc gia nào, sự tham gia TTHS của người làm chứng cũng đều được đánh giá cao trong việc góp phần phát hiện tội phạm. Thậm chí, có lúc, có nơi, lời khai của người làm chứng được coi như chứng cứ có giá trị nhất. Chính vì vậy, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và các quyền lợi khác của người làm chứng để họ thực hiện tốt vai trò làm chứng của mình là yêu cầu mang tính bắt buộc. BLTTHS năm 2015 đã có những bước tiến dài, đồng thời đảm bảo tính khoa học trong việc bảo vệ người làm chứng như: quyền yêu cầu cơ quan triệu tập họ bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình,

người thân thích của mình khi bị đe dọa; quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia làm chứng.⁽⁶⁾ Thực tế cho thấy, làm chứng trong vụ án hình sự là nghĩa vụ nặng nề đối với người làm chứng. Bên cạnh việc phải khai trung thực các tình tiết của vụ án, người làm chứng và gia đình họ phải đối mặt với những nguy cơ bị đe dọa, xâm hại từ phía tội phạm và những người liên quan đến tội phạm. Chính vì vậy, bảo vệ quyền con người của người làm chứng là nghĩa vụ của Nhà nước và các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm đảm bảo cho quá trình phát hiện, xử lý tội phạm được chính xác và toàn diện.

3. Những hạn chế về đảm bảo quyền con người trong tố tụng hình sự

Từ những quy định trong Hiến pháp và BLTTHS có thể thấy quyền con người trong TTHS ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong thời gian qua, hoạt động TTHS nói chung, xét xử vụ án hình sự nói riêng còn bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc làm giảm hiệu quả của việc bảo vệ quyền con người bằng pháp luật TTHS, trong đó nổi lên một số vấn đề sau:

Thứ nhất, sự độc lập của tòa án còn hạn chế

Theo quy định của pháp luật, chức năng xét xử thuộc duy nhất về tòa án. Tuy nhiên, việc xét xử đó có được độc lập không lại là vấn đề khác. Độc lập xét xử nghĩa là tòa án sẽ quyết định những vấn đề của vụ án phù

(6). Điều 66 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

hợp với sự đánh giá khách quan và sự hiểu biết của mình về pháp luật mà không chịu sự tác động trực tiếp hay gián tiếp bởi bất kỳ ai, cơ quan hay tổ chức nào. Độc lập là yếu tố quan trọng nhất giúp toà án xét xử một cách khách quan và công bằng. Tuy vậy, trên thực tế, sự độc lập không phải khi nào cũng được đảm bảo triệt để, làm ảnh hưởng đến việc xét xử, ảnh hưởng đến các quyền con người trong TTHS và để có sự độc lập đó, không phải chỉ toà án hay người tham gia TTHS muốn là được.

Trên cơ sở nguyên tắc hiến định toà án “thực hiện quyền tư pháp” được chính thức quy định từ Hiến pháp năm 2013 (Điều 102), sự độc lập của toà án đang dần được củng cố vững chắc nền tảng pháp lí đồng thời có cơ chế để vận hành thông suốt, hiệu quả theo đúng nghĩa của nguyên tắc này.

Thứ hai, quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo chưa được bảo đảm triệt để

Việc ghi nhận quyền bào chữa trong Hiến pháp và BLTTHS cũng như trước đó là sự ra đời của Luật luật sư năm 2006, cùng với đội ngũ luật sư ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, cho thấy nỗ lực lớn của Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền bào chữa. Tuy vậy, trên thực tế, quyền này vẫn chưa được thực hiện với đúng vai trò của nó trong TTHS, thậm chí vẫn bị vi phạm dưới rất nhiều hình thức. Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không được thực hiện, thực hiện không kịp thời, không đầy đủ quyền bào chữa, đồng thời còn nhiều hạn chế trong bảo đảm cho luật sư thực hiện quyền bào chữa.

Thứ ba, thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội còn nhiều bất cập

Vấn đề thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Chương XXVIII Phần thủ tục đặc biệt trong BLTTHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đáng kể những khiếm khuyết pháp luật liên quan đến vấn đề này. Tuy nhiên, những quy định cần thiết để bảo đảm quyền lợi cho người chưa thành niên thì chưa đủ; những quy định đã có thì chưa được thực hiện đúng và đủ. Ví dụ: Điều 415 BLTTHS quy định: “*Những người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lí học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi*”. Tuy nhiên, quy định này chỉ mang tính hình thức vì trên thực tế, cả cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án đều chưa có lực lượng nhân sự chuyên biệt để tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên.

Thứ tư, tình trạng tồn đọng án, án quá hạn luật định do các cơ quan tiến hành tố tụng chưa giải quyết kịp thời tương đối lớn

Dù đã nỗ lực với nhiều chủ trương, giải pháp và đã có nhiều tiến bộ đáng kể song hệ thống toà án cũng chưa thể đạt được chỉ tiêu giải quyết, xét xử 100% các vụ án thụ lí trong năm. Nếu năm 2005, có 171.588 vụ án được giải quyết, trong tổng số 208.229 vụ án đã thụ lí, đạt 82%;⁽⁷⁾ năm 2012, có 332.868

(7). Báo cáo tổng kết công tác toà án năm 2005, phương hướng nhiệm vụ năm 2006 của Toà án nhân dân tối cao.

vụ án được giải quyết trong tổng số 360.941 vụ án đã thụ lí, đạt 92%;⁽⁸⁾ thì đến năm 2016, có 1.781.410 vụ án được giải quyết trong tổng số 1.809.080 vụ án đã thụ lí, đạt 98,5%.⁽⁹⁾ Theo Báo cáo ngày 14/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác tòa án từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2018, các tòa án đã giải quyết 1.379.709 vụ trong tổng số 1.438.845 vụ án đã thụ lí (đạt tỉ lệ 95,9%); tỉ lệ các bản án, quyết định bị huỷ, sửa do lỗi của tòa án giảm dần qua các năm (năm 2016 là 1,3%; năm 2017 là 1,2% và năm 2018 là 1,14%). Nếu như năm 2011, tổng số vụ án quá hạn là 1.071 vụ, chiếm tỉ lệ 0,32% thì đến năm 2015 chỉ còn 145 vụ, chiếm tỉ lệ 0,03%. Số liệu trên cho thấy, tuy tỉ lệ án bị huỷ sửa, án tồn đọng, án lưu hạn giảm đáng kể hàng năm nhưng vẫn còn số lượng rất lớn các vụ án hình sự bị huỷ, sửa, án tồn đọng, quá hạn luật định, án lưu hạn hàng năm. Ngoài ra, do quy định căn cứ giám đốc thẩm chưa rõ ràng, bao gồm cả pháp luật và sự việc, nên nhiều vụ án phải xét xử nhiều lần, kéo dài quá trình xử lí vụ án, gây thiệt hại cho quyền lợi cũng như tâm lí của người phạm tội, thậm chí có một số trường hợp người phạm tội chết trong thời gian bị tạm giam...

Thứ năm, tình trạng bắt, giam giữ người tùy tiện, truy tố, xét xử oan, sai vẫn còn tồn tại

Điều 31 Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố,

điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lí theo pháp luật.

Bắt người, tạm giữ, tạm giam là các biện pháp ngăn chặn nhằm hạn chế một số quyền của công dân, quyền con người của người bị bắt. Mục đích của các biện pháp này là để đảm bảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự pháp luật và pháp chế. Với yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, việc bắt, giam giữ cần phải được tiến hành kiên quyết, kịp thời. Tuy nhiên, không thể vì bất cứ lí do gì mà áp dụng các biện pháp ngăn chặn tràn lan, sai tính chất, sai đối tượng, không đảm bảo các yêu cầu của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Theo số liệu điều tra, truy tố, xét xử hằng năm, số người tạm giữ được trả tự do vì không phạm tội hoặc xử lí hành chính còn khá nhiều. Tuy số liệu này không hoàn toàn phản ánh việc bắt giam giữ tùy tiện nhưng cũng đặt ra những băn khoăn như: Tại sao cơ quan điều tra không cân nhắc việc tạm giữ ngay từ đầu đối với những trường hợp này? Hay thực tế vẫn còn không ít những vụ án, do đã khởi tố, bắt tạm giam nên quá trình giải quyết, dù không đủ chứng cứ khách quan vẫn có buộc tội, xét xử và kết án dẫn đến vi phạm nghiêm trọng quyền cơ bản của

(8). Báo cáo tổng kết công tác tòa án năm 2012, phương hướng nhiệm vụ năm 2013 của Tòa án nhân dân tối cao.

(9). Báo cáo tóm tắt của chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác tòa án nhiệm kỳ 2011 – 2016.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

con người. Thậm chí “*sự buộc tội đôi khi xuất hiện cả khi chưa có quyết định khởi tố bị can trong trường hợp có người bị tạm giữ và kết thúc khi tố tụng hình sự kết thúc*”.⁽¹⁰⁾ Vẫn còn nhiều vụ án oan gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng trong những năm qua, như các vụ án Nguyễn Thanh Chấn ở Bắc Giang ngồi tù oan 10 năm, tan nát gia đình; vụ án Nguyễn Minh Hùng ở Tây Ninh hai lần bị tuyên tử hình về tội mua bán trái phép chất ma túy dù không buôn bán ma túy; vụ án Bùi Minh Hải ở Đồng Nai, chỉ vì vô tình đánh rơi chiếc đồng hồ ở gần nơi xảy ra vụ giết người mà bị coi là tội phạm và bị kết án tù chung thân, dù ông Hải liên tục kêu oan, sau 16 tháng bị tù oan, cơ quan chức năng bắt được thủ phạm trong một vụ án khác, ông Hải mới được minh oan; vụ Trần Văn Chiến ở Tiền Giang ngồi tù oan 16 năm 3 tháng về tội giết người hay vụ án oan “vườn điều” chấn động Việt Nam mà ông Huỳnh Văn Nén là người bị kết án oan... Đó là những minh chứng điển hình cho việc bắt, giam giữ người tùy tiện, truy tố, xét xử oan, sai, xâm phạm quyền con người một cách đặc biệt nghiêm trọng.

4. Yêu cầu, giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự

Thể chế hoá tinh thần Hiến pháp năm 2013, vấn đề bảo vệ quyền con người trong TTHS đã được quy định khá rõ ràng, đầy đủ và tiến bộ trong BLTTHS năm 2015 cũng

như các luật liên quan. Để những quy định đó của pháp luật thực sự đi vào đời sống tư pháp nhằm bảo vệ tốt hơn quyền con người trong TTHS, cần tạo ra những chuyển biến thực chất và duy trì thành nền nếp một số vấn đề sau đây:

Một là tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lí luận về quyền con người, trong đó có quyền con người trong TTHS, với tư cách là giá trị của nhân loại. Đồng thời xác định khả năng, điều kiện tiếp thu các giá trị đó vào hoàn cảnh Việt Nam trên các phương diện lập pháp và thực tiễn. Nói cách khác, cần luận giải tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người nói chung và quyền con người trong TTHS nói riêng, từ đó vận dụng một cách hợp lí và hiệu quả vào thực tiễn Việt Nam.

Hai là quyền con người trong TTHS không chỉ đặt ra trong việc phát hiện, xử lí tội phạm mà còn khía cạnh hết sức quan trọng là không làm oan người vô tội. Dưới góc độ đó, pháp luật TTHS Việt Nam cần được tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung theo hướng ghi nhận đầy đủ các quyền con người trong TTHS trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Chẳng hạn, trong thời gian tới, cần nghiên cứu để có các quy định cụ thể nhằm đảm bảo tốt hơn quyền con người trong TTHS như quy định về quyền được im lặng, quyền không buộc phải đưa ra chứng cứ chống lại chính mình...

Ba là bên cạnh việc ghi nhận quyền của người bị buộc tội, điểm cần quan tâm nhất của TTHS Việt Nam đó là cơ chế bảo đảm thực thi các quy định đó trong thực tế. Đến nay, về mặt pháp luật thực định, một số

(10). Phạm Hồng Hải, *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 27.

quyền như: quyền bào chữa, quyền thu thập, đưa ra chứng cứ của người bào chữa, người bị buộc tội... đã được ghi nhận trong pháp luật TTHS nhưng chưa có cơ chế cụ thể, rõ ràng để những người này thực hiện các quyền đó trong thực tiễn. Theo góc nhìn đó, việc hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ tư pháp cũng như cơ chế thực hiện chúng là yêu cầu quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Bốn là bảo vệ quyền con người trong TTHS cũng có nghĩa là nếu người nào có những hành vi xâm phạm đến quyền con người trong lĩnh vực này thì phải gánh chịu các chế tài nghiêm khắc. Nói cách khác, để bảo vệ hữu hiệu quyền con người trong TTHS thì vấn đề quan trọng đặt ra là phải quy định rõ trách nhiệm của những người, cơ quan tiến hành tố tụng trong trường hợp họ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ của mình. Chẳng hạn, một vụ án bị chậm trễ đưa ra xét xử, một quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn không hợp lí, không hợp pháp... thì những chủ thể liên quan phải chịu trách nhiệm gì, hình thức chế tài ra sao cần được xác định rõ trong pháp luật TTHS.

Năm là pháp luật TTHS cần quy định cụ thể cơ chế bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng trong vụ án hình sự, tránh tình trạng những người này bị trù dập, bị trả thù, bị đe dọa... Điều này đặt ra đòi hỏi, bên cạnh việc quy định trong các văn bản pháp luật, trong thực tế cần thiết lập cơ chế hữu hiệu để bảo vệ những người tố giác tội phạm, người làm chứng. Việc áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ người làm chứng,

người tố giác và những người tham gia tố tụng khác có hiệu quả trước những nguy cơ bị trả thù hoặc đe dọa có thể xảy ra đối với họ không những thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn góp phần tạo lập và củng cố niềm tin của người dân vào Nhà nước, trước hết là vào các cơ quan bảo vệ pháp luật, từ đó khuyến khích người dân tham gia ngày càng tích cực hơn vào cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, trong đó có các tội phạm về tham nhũng.

Ngày 10/12/2003, Việt Nam đã kí Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc (Công ước này có hiệu lực thi hành đối với Việt Nam kể từ ngày 19/8/2009). Nội dung Công ước có những điều khoản về bảo vệ nhân chứng, chuyên gia, nạn nhân, người tố giác tội phạm. Để thi hành các nội dung của Công ước (ngoài những vấn đề mà Việt Nam bảo lưu), chúng ta cần tiếp tục rà soát các văn bản pháp luật có liên quan để bảo đảm tính tương thích. Đồng thời, cần xây dựng các cơ chế, áp dụng biện pháp thực thi bảo đảm các nội dung của Công ước được thực hiện trên thực tế.

Để bảo vệ nhân chứng và chuyên gia, theo Điều 32 Công ước, mỗi quốc gia thành viên căn cứ vào pháp luật quốc gia và trong khả năng có thể, áp dụng các biện pháp thích hợp bảo vệ trước nguy cơ trả thù hoặc đe dọa có thể xảy đến với nhân chứng và chuyên gia, những người đã đưa ra bằng chứng hoặc chứng thực liên quan đến các tội phạm quy định theo Công ước và nếu phù hợp, bảo vệ cả thân nhân và những người gần gũi với họ.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Một số quốc gia trên thế giới đã xây dựng chương trình bảo vệ nhân chứng như Canada, Đức, Australia, Iceland, Ý, Anh, Nam Phi, New Zealand... Theo đó, các biện pháp bảo vệ nhân chứng, tùy theo hoàn cảnh cụ thể và mối nguy đối với nhân chứng, bao gồm: bảo đảm an toàn, thay đổi danh tính và chỗ ở (có thể bao gồm cả việc di chuyển ra nước ngoài), hỗ trợ tài chính và các dịch vụ khác như tư vấn, khám chữa bệnh,⁽¹¹⁾... Hay tại Mỹ và Philippines, thông qua chương trình bảo vệ nhân chứng, Chính phủ cho phép những cựu tội phạm và gia đình họ tái định cư và bảo vệ họ khỏi bị trả thù; trong trường hợp cơ quan chức năng không có điều kiện đảm bảo sự an nguy cho nhân chứng vì một lí do bất khả kháng nào đó, nhân chứng sẽ được hỗ trợ một khoản tiền để có thể tự có những biện pháp bảo vệ cho mình (ví dụ: thuê vệ sĩ); kể từ năm 1971 đến nay, chương trình này ở Mỹ đã chuyển chỗ ở và tạo nhân dạng mới cho hàng nghìn nhân chứng và người phụ thuộc họ.⁽¹²⁾

Tuy nhiên, việc xây dựng và vận hành chương trình bảo vệ nhân chứng cũng cần hạn chế đến mức tối đa việc các cơ quan chức năng bằng mọi cách để có được bằng chứng, chỉ quan tâm tới vụ án mà không hề quan

tâm tới hậu quả có thể xảy ra đối với cuộc sống của nhân chứng và gia đình họ sau khi tham gia chương trình bảo vệ nhân chứng.

Sáu là cần nâng cao nhận thức về quyền con người cho các bên trong quan hệ TTHS. Trước hết, cần giáo dục kiến thức về quyền con người cho những người tiến hành tố tụng, cụ thể là các điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán... để hạn chế sự xâm phạm quyền con người từ phía cơ quan công quyền. Đối với người bị buộc tội, cần nâng cao khả năng tự bảo vệ quyền con người của họ bằng việc tạo điều kiện tốt nhất để họ có thể tiếp cận các dịch vụ pháp lí thực hiện quyền bào chữa của mình trong quá trình tố tụng như thuê người bào chữa, chi phí thu thập chứng cứ, đơn giản hoá các thủ tục tố tụng... Chỉ khi nào thế và lực của hai bên buộc tội và gỡ tội đạt được thế quân bình ở mức tương đối thì quyền con người trong TTHS mới được đảm bảo thực chất trong đời sống tư pháp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Độ, “Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự - Khái quát các tiêu chuẩn quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam”, Tài liệu hội thảo: Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng, Trường đại học Vinh, tháng 12/2017.
2. Nguyễn Hoà Bình, *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Phạm Hồng Hải, *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004.

(11). Lê Nga, Thái Sơn, Mai Trâm, “*Khó như... nhân chứng - Kỳ 5: Cần có đạo luật riêng bảo vệ nhân chứng*”, <https://thanhnien.vn/thoi-su/kho-nhu-nhan-chung-ky-5-can-co-dao-luat-rieng-bao-ve-nhan-chung-470034.html>, truy cập 22/7/2019.

(12). Đặng Ngọc Hùng, “*Chương trình bảo vệ nhân chứng ở Mỹ: Ai được bảo vệ?*”, <https://plo.vn/plo/chuong-trinh-bao-ve-nhan-chung-o-my-ai-duoc-bao-ve-385946.html>, (Theo usmarshals.gov, howstuffworks.com, associatedcontent.com), truy cập 22/7/2019.